

BẢN LUẬN QUYỂN 75

Trên đây, đã nói về bố Thí. Dưới đây sẽ nói về phẩm giới.

Đầu là nêu biểu chung. Tỳ-nại-da, Hán dịch nói là điều phục, là điều phục ba nghiệp. Kế là giải thích riêng có bốn:

- 1/ Chính nói về tướng.
- 2/ Nói về gìn giữ, chẳng gìn giữ.
- 3/ Nói về nhân duyên chuyển, xả.
- 4/ Lược giải thích về tướng phạm.

Trong phần đầu có chia ra ba tụ, tức ba đoạn:

I. Nói về giới luật nghi. Luận sư Cảnh nói: “Giới Luật nghi của Bồ-tát, tức là bảy nhóm mà Thanh văn lãnh thọ. Như Bồ-tát xuất gia, tức với Đại tăng của Thanh văn đã phán quyết, phần nhiều là đồng. Bồ-tát tại gia tức với năm giới đã phán quyết, phần nhiều đều đồng, nên nói là bảy nhóm đã thọ lãnh.

Về lý, thật ra là kỳ hạn vào thời gian có khác, tức tâm, phi tâm, giới thể cũng khác.

Pháp sư Bị nói “Lại, giải thích: “Bảy chúng Thanh văn, nếu khi thọ giới Bồ-tát, sẽ chuyển giới của bảy chúng trước khiến thành giới Bồ-tát, nên nói “Tức bảy nhóm”.

II. Nói về Nhiếp thiện Pháp Giới.

Giải thích lược về sáu tâm, nên khéo quán sát nói về tướng, như văn. Về ba tâm trước không nên sinh khởi. Nếu có khởi thì nên xả. Nhẫn thọ có tội, thứ tư có tội, không tội chẵn nhất định, rất dễ hiểu. Thứ năm, là bệnh ràng buộc thân, tâm không được tự tại tu thiện, nhẫn thọ này không có tội. Thứ sáu, chướng thuận theo hạnh tâm. Hoặc ngu thế tục, nói năng vô nghĩa, quán trong chúng có nghĩa lợi.

Nhẫn thọ không có tội, nhẫn khác thì có tội. Ba thứ trước như thế, hoàn toàn có tội, thứ năm, hoàn toàn không có tội. Thứ tư, thứ sáu đã sinh Nhẫn thọ, hoặc có tội, hoặc không có tội chẳng nhất định.

Dưới đây là nói về giới nhiếp chúng sinh. Phải quán sáu xứ:

1. Tự, 2. Tha, 3. Tài vật hao mòn, 4. Tài vật thịnh vượng, 5. Pháp suy đồi, 6. Pháp hưng thịnh. Về tài vật hưng thịnh, như văn rất dễ hiểu.

Pháp suy đồi, nghĩa là đã vượt qua người đã thọ lãnh không được ba học. Trước kia chưa nghe, cho đến không được nghe. Trước đây chưa tư duy, chưa tu chứng, nghĩa là mất ba tuệ, tức là mất ba học, mất ba tuệ gọi là pháp suy đồi. Ngược lại thì gọi là pháp thịnh vượng.

Khiến cho tài vật người hưng thịnh, không nên làm, nghĩa là Bồ-

tát vì người khác, kinh doanh tài vật, đem cấp cho chúng sinh, tự mất ba tuệ và ba học, điều này không nên làm.

Như khiến cho tài vật dồi dào, pháp hưng thịnh cũng thế. Bồ-tát nói pháp cho người nghe để cho pháp khác hưng thịnh. Tự mất ba học để cho pháp mình suy đồi. Điều này không nên làm, cho đến lại các Bồ-tát làm cho tài vật của mình dồi dào, khiến tài vật người khác hưng thịnh, chính điều này nên làm. Không bỏ ba học, kinh doanh sự nghiệp tài vật tự đủ cho người, cũng tức nên làm. Như khiến cho tài vật dồi dào, pháp cũng vậy. Bồ-tát tự khiến cho pháp khác hưng thịnh không mất. Điều này cũng nên làm.

Lại, các Bồ-tát làm nên pháp của mình hưng thịnh, khiến tài vật người khác hưng thịnh, trở xuống rất dễ hiểu.

Thứ hai, trong nói về Hộ, chẳng Hộ, nghiệp đầu tiên như trước đã nói, khiến cho tu học. Kế chính là nói về tướng Hộ, chẳng Hộ (tướng chẳng giữ gìn không giữ gìn), trong đó trước nói thiếu một không giữ gìn. Nếu giữ gìn giới đầu thì có thể giữ gìn hai giới còn lại. Sau, là nói về việc ngăn ngừa giả, thật.

Do ba nhân duyên, nên gọi là giả, nghĩa là vì để cho người biết, nên chẳng phải giữ gìn thật. Vì tùy thuận người, nên chẳng phải tu thật. Do dẫn dắt người, nên không được thắng lợi và đây gọi là thật.

Thứ ba, nói về chuyển duyên Xả. Nếu có người không xả Luật nghi như thế, cho đến chẳng phải xả luật nghi kia, thì một phem thọ giới này, cho đến Bồ-đề.

Lại, “nhân duyên xả lược có bốn thứ, cho đến phải biết xả luật nghi của Bồ-tát”. Pháp sư Cảnh nói lại lời Tam Tạng Pháp sư: “Hỏi: “Trong Bản Địa phần ở trước, đã nói về xả giới Bồ-tát chỉ có hai duyên:

1. Lui sụt tâm Bồ-đề.
2. Khởi phẩm tăng thượng.

Nay, ở đây vì sao nói Xả có bốn duyên?

Giải thích: “Khai, hợp thành khác. Trong đây, hai duyên trước đều là lui sụt tâm Bồ-đề, trong đó có ba phẩm. Nếu khởi phẩm tăng thượng lui sụt tâm Bồ-đề, cái gọi là quả Phật khó mong cầu, chúng sinh khó hóa độ. Khổ hạnh trong thời gian dài, không thể thực hành. Từ đây trở đi, không thể thực hành cầu đạo Bồ-đề nữa! Khởi tâm này, không đợi phát ngôn, tức là xả giới, chính là duyên thứ nhất trong đây. Cái gọi là phát khởi tâm trái với thọ. Nếu khởi tâm phẩm trung hạ, lui sụt như trước, tức lại nói rằng: “Nay, ta bỏ xứ sở học, bấy giờ tức là xả, chính là “duyên” thứ hai trong đây, nói là đại tướng phu có thức, trước kia phát ra lời xả,

hai duyên trong đây đều là khởi phiền não tăng thượng, trái phạm mà xả giới, trong đó có hai:

1. Phạm bốn trọng căn bản.
2. Phạm bốn trọng tùy thuận.

Phương tiện trước, sau, tức hai duyên sau trong đây.

Nói tha thắng, nghĩa là do trái phạm bốn giới trọng bị người phá giới vượt hơn gọi là pháp tha thắng. Pháp sư Thái nói: 1/ “Tâm thọ giới gọi là tâm thọ. Phát khởi tâm trái với giới đã thọ, gọi là tâm không đồng phần, tức là xả giới. 2/ Tâm dù chưa quyết định đối với người có nhận thức riêng thốt ra lời nói xả giới ở trước, nhưng ở đây cũng là xả giới. 3/ Khởi phiền não nhẹ mỏng, hoặc phạm chung bốn tội trọng, hoặc phạm riêng một, hai, cũng được xả. 4/ Khởi phạm chung riêng, phiền não tăng thượng bốn trọng, dù chưa phạm bốn trọng mà đã xả giới.

Có chỗ giải thích: “Bốn giới sau trong mười giới trọng, được gọi là bốn pháp người khác vượt hơn. Sáu giới trước gọi là tùy thuận pháp người khác vượt hơn.

Nói “Nếu có tâm lại được thanh tịnh thọ, lại nên thọ trở lại, không đồng với Thanh văn, hễ phạm thì như cục đá đã nứt ra, không thể dính liền lại được.

Thứ tư, trong giải thích đại khái về tướng Trì. Phạm, trước giải thích, sau kết.

Trong phần trước có hai:

1. Vật thí thông bát.
2. Nhiếp chúng thông bát.

Trong phần trước, nói “Nếu có người chép chánh pháp tên lá, giấy, có trẻ con, chúng sinh trí tuệ đến xin v.v..., chúng sinh ngu si đến xin quyển kinh, hoặc bán, hoặc trước tác, người bố thí có tội. Vì muốn khuyên răn người kia mà bố thí thì không tội.

Theo nhiếp chúng thông bát trước dựa vào người trong oán thân để nói. Sau, là dựa theo xuất gia y chỉ để nói. Văn kết rất dễ hiểu.

Trên đây, nói riêng về nghĩa quyết định lựa chọn hai phẩm thí, giới.

Dưới đây là giải thích chung về sáu phẩm, trong đó trước nhắc lại trước nói rộng. Kế là lược nói. Sau chính là giải thích, trong đó có hai:

1. Y cứ năm đức, biên minh chung về sáu độ.

2. Y cứ riêng thanh tịnh bố thí, là giải thích sáu độ, trong phần trước nói không có chấp mắc, nghĩa là vì trừ sáu che lấp, nên không có lưu luyến, vì không có trói buộc chấp mắc trong nhân, quả của ba

cõi, nên không có tội, vì xa lìa chín môn tùy hoặc của sáu độ. Không có phân biệt, nghĩa là không quán ba luân, hồi hướng nghĩa là hướng về Bồ-đề.

Như thế, Bồ-tát do năm đức này, cho đến gọi là Tuệ v.v... khó khăn.

Trong Bản địa phần ở trước nói về sáu độ, đều có một tụng, tụng về chín môn. Rằng, tất cả môn tự tánh, tất cả môn Thiện sĩ, tất cả thứ theo đuổi, tìm cầu. Hai đời ưa thanh tịnh. Nay, văn này nói Bồ-tát bố thí v.v... tức môn tự tánh. Tất cả bố thí v.v... tức môn thứ ba. Nói rộng, tất cả tụng Ót-Đà-Nam, đều thuận theo quyết định rõ ràng, nghĩa là nói thuộc về sáu môn còn lại, rộng, tùy thích hợp, mà quyết định rõ.

Y cứ vào bố thí thứ hai, trong giải thích sáu độ thanh tịnh.

1. Trong giải thích bố thí, nói do thêm một thứ lớp, nghĩa là duy nhất trong tự tánh bố thí đầu tiên của môn thí.

2. Trong tất cả thí có hai.

3. Bố thí khó thực hành, tức có ba. Cho đến có mười trong thí thanh tịnh thứ chín.

Thứ hai, nói về phẩm giới đã nói mười tịnh, tức giới thanh tịnh có mười trong môn thứ chín, trong đó một giới đầu là ý lạc thanh tịnh. Chín giới còn lại là gia hạnh thanh tịnh. Bản địa Quyển bốn mươi hai chép: “Thế nào là giới thanh tịnh của Bồ-tát? Phải biết, giới này lược có mười thứ:

1. Giới khéo thọ đầu tiên, chỉ vì ba Bồ-đề của Sa-môn, chứ chẳng phải mạng.

2. Giới không hôn trầm thái quá. Lúc trái phạm xa lìa vì mỏng, sinh ăn năn e thẹn và không nên nêu giới, vì xa lìa phi xứ, sinh ăn năn e thẹn.

3. Giới lìa tâm lưỡi biếng, đối với thù miên (ngủ) ưa nường tựa, ưa nằm, ưa không đam mê chấp mắc. Ngày đêm siêng tu các phẩm thiện.

4. Lìa các thọ giới thuộc về buồng lung. Tu tập năm chi không buồng lung đã nói như trước.

5. Giới chánh nguyện, vì xa lìa tham lợi dưỡng, cung kính. Không nguyện sinh lên cõi trời, mà tự mong cầu tu phạm hạnh.

6. Giới đã nhiếp thọ đầy đủ phép tắc.

7. Giới đã nhiếp thọ đầy đủ chánh mạng.

8. Giới trừ hai bên khổ, vui.

9. Giới xuất ly hẳn, vì xa lìa tất cả kiến chấp của ngoại đạo.

10. Giới ở trước đã thọ không có tổn thất, vì ở trước đã thọ không có thiếu kém. Phải biết rằng thọ thiện đầu tiên chỉ vì ba Bồ-đề của Sa-môn, chẳng phải vì mạng, nghĩa là ý lạc thanh tịnh. Chín giới còn lại là gia hạnh thanh tịnh. Gia hạnh có năm với chín thanh tịnh thuộc nhau, tức không hôn trầm, điều cử thứ hai, lìa lưỡi biếng thứ ba là vô gián đầu tiên thiếu gia hạnh. Xa lìa buông lung thứ tư đã nhiếp thọ, hoặc là gia hạnh khắp tu trị thứ hai.

Giới chánh nguyện thứ năm là gia hạnh hồi hướng thứ ba, thứ sáu là phép tắc đầy đủ. Thứ bảy là chánh mạng. Thứ tám là xa lìa hai bên. Thứ chín là xuất ly hẳn, đều là gia hạnh giúp đỡ thứ tư. Thứ mười, trước đã thọ giới không có hao hụt, không có thiếu sót là gia hạnh giữ gìn thứ năm.

Thứ ba, nói về Nhẫn. Nhẫn có chín tịnh trước trong mười tịnh, gọi là sức tư duy lựa chọn thanh tịnh, thứ mười kia, gọi là sức tu tập tịnh, nghĩa là như quyển bốn mươi hai chép: “Nhẫn thanh tịnh của Bồ-tát, lược có mười thứ:

1. Gặp việc không lợi ích, không bao giờ trả đũa lại.
2. Không có ý căm phẫn.
3. Thường hiện tiền muốn làm việc lợi ích.
4. Trước, sau không khác, chẳng phải một khi có lợi ích rồi bỏ, mà không làm việc lợi ích.
5. Đối với kẻ có thù oán, tự đến, ăn năn, hối lỗi.
6. Cuối cùng không để cho người khác sinh mỗi một, nhằm chán, sau đó nhận hối lỗi.
7. Thành tăng thượng hổ thẹn mạnh mẽ, nhạy bén.
8. Trở nên yêu kính trên hết đối với Đại sư.
9. Thương xót tăng thượng đối với hữu tình.
10. Tất cả bất nhẫn và pháp giúp đỡ đều được dứt trừ, cho nên nói sức tư duy lựa chọn ở trước thanh tịnh, thứ mười, gọi là sức tu tập thanh tịnh.

Nói sức tư duy lựa chọn thanh tịnh lại có bốn thứ như văn. Một thứ, hai thứ nghĩa là một thứ ban đầu gồm một thanh tịnh, nên nói một thứ, nghĩa là đầu tiên xa lìa tội sinh thanh tịnh, gồm thanh tịnh thứ nhất ban đầu là gặp phải việc không lợi ích, không bao giờ trả đũa lại.

Thứ hai, không hiện hành thanh tịnh kia, vì thuộc về hai thanh tịnh, nên nói hai thứ, nghĩa là ý thứ hai không phẫn nộ, thứ ba thường làm lợi ích. Hai thứ sau vì mỗi thứ gồm có ba thứ, nên nói ba thứ, nghĩa là không có tội thứ ba sinh thanh tịnh, gồm thu thứ tư kia, trước, sau

không khác. Thứ năm, đối với kẻ thù oán, tư đi đến ăn năn, hối lỗi. Thứ sáu, cuối cùng không khiến người khác sinh mỗi một, sau đó nhận hối lỗi.

Thứ tư, xa lìa nhân thanh tịnh kia, thuộc về thành hổ thẹn trên của thứ bảy, thứ tám, là thành yêu kính trên dưới đối với Đại sư. Thứ chín là thương xót tăng thượng đối với hữu tình.

Do chín thanh tịnh trước, gọi là sức tư duy lựa chọn thanh tịnh.

Trong sức tư duy lựa chọn thanh tịnh, rộng thì có chín, lược chỉ có bốn, nên được thuộc về nhau. Thanh tịnh thứ mười gọi là sức tu tập, nên với bốn thứ tánh thanh tịnh trong sức tư duy lựa chọn, riêng không nhiếp thọ nhau.

Nhân duyên bất nhẫn có ba: Đây là bị trị.

Thứ tư nói về tinh tấn có mười thanh tịnh:

1. An xứ (chỗ yên ổn), trong bản địa phần gọi là thuộc về nhau.
2. Thuần thực, Bản địa phần gọi là quán tập.
3. Sách phát, kia gọi là không thông thả.
4. Phương tiện, kia gọi là nhiếp thiện.
5. Trụ thời gian không luống dối kia gọi là tu tập hợp thời.
6. Trụ gian khổ, kia gọi là thông suốt các tướng.
7. Xuất ly, kia gọi là không lùi bước yếu hèn.
8. Nhiếp thọ giúp đỡ, kia gọi là không xả ách.
9. Thần thông nhanh chóng, kia gọi là bình đẳng.
10. Tánh vô tận, kia gọi là hồi hướng Đại Bồ-đề.

Thứ năm, là nói về tinh lực có mười thanh tịnh:

1. Thanh tịnh, thanh tịnh, Bản địa phần gọi là thế gian thanh tịnh.
2. Vô lậu thanh tịnh, luận kia gọi là xuất thế thanh tịnh.
3. Phương tiện căn bản, luận kia gọi là gia hạnh.
4. Chứng đắc tịnh căn bản, đồng với luận kia gọi là.
5. Phương tiện tự tại, luận kia gọi là tịnh thắng tấn căn bản.
6. Trụ tịnh tự tại, luận kia gọi là tịnh tự tại nhập, trụ, xuất.
7. Dẫn phát thần thông tự tại, luận kia gọi là xả tịnh lực xong, lại

chứng nhập tịnh tự tại.

8. Thành tựu tịnh tự tại của hữu tình, luận ấy gọi là thần thông biến hiện tịnh tự tại.

9. Hàng oặc tịnh tự tại của ngoại đạo, luận ấy gọi là xa lìa tất cả tịnh kiến thú.

10. Vô thượng lìa tịnh trói buộc, luận kia gọi là lìa hai chướng tịnh.

Thứ sáu, tuệ có năm thanh tịnh. Theo Bản Địa phần quyển bốn mươi hai nói: “Thế nào là tuệ thanh tịnh của Bồ-tát?” Lược có mười thứ. Về nghĩa chân thật có hai thứ, nghĩa là tánh tận sở hữu và như tánh sở hữu, vì lấy nghĩa chân thật. Hai thứ này đồng với thứ nhất thông đạt các tướng. Về nghĩa lưu chuyển có hai thứ Tuệ, nghĩa là vì lấy chánh nhân quả, nên hai thứ này đồng với thông đạt duyên khởi thứ hai.

Về nghĩa chấp thọ có hai thứ tuệ: vì như thật hiểu rõ điên đảo, không điên đảo, nên đồng với thông đạt giáo đạo thứ ba.

Đối với tuệ của nghĩa phương tiện, nghĩa là tất cả những gì nên làm, vì hiểu rõ như thật, đồng với thông suốt sĩ dụng thứ tư.

Về nghĩa rốt ráo có hai thứ tuệ, nghĩa là tạp nhiễm, vì biết như thật tạp nhiễm, thanh tịnh, như thật biết thanh tịnh, đồng với thông đạt chứng đắc thứ năm.

Có chỗ giải thích: “Tấn, Định mỗi thứ đều có mười Tuệ. Năm thanh tịnh là ngoài chín môn, lại lập riêng”, không bằng giải thích trước.

Dưới đây là thứ mười, phẩm quyết định lựa chọn pháp Bồ-đề Phần, trong đó chia làm ba:

1. Nói về ba mươi bảy phẩm, chủ thể trị.
2. Nói về mười bốn thứ ràng buộc.
3. Nói về nương theo định, tu quán tưởng giải thoát ràng buộc.

Trong phần đầu có hai:

1. Tùy vấn nạn, giải thích riêng.
2. Nói về thứ lớp.

Trong phần trước, đầu tiên, là nói Bốn Niệm trụ, trước hết, dùng Trí như lượng quán riêng về Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Kế là dùng Trí như lý để quán chung về chân như như thân v.v.... Kế đến là nói về bốn chánh đoạn.

Thế nào là Bồ-tát khiến cho, pháp ác bất thiện chưa sinh thì bất sinh, nên sinh dục cho đến sinh tư duy, sinh xả.

Tu bốn chánh cần, mỗi pháp đều có tám đoạn hạnh, như trước đã nói rộng. Nghĩa là đối với cảnh chân như, trói buộc tâm, khiến nó dừng lại: Bốn hạnh của bốn chánh cần, quán trở lại chân như.

“Vì khiến tất cả đến, cho đến nói rộng”, nghĩa là vì khiến cho hai phược bất sinh.

Sinh ra tán, đoạn hạnh như dục v.v..., “khiến cho” trở xuống, là so sánh như hạnh của ba chánh cần sau.

Dưới đây là nói về trình tự. Luận sư Cảnh nói: “Trong đây không nói về hành tướng khác, đối với vị niệm trụ, trước hết, buộc tâm, gắn

vào cảnh sở duyên, là ở vị Thập tín. Kế là khiến tâm an trụ nơi sở duyên, siêng tu chánh đoạn. Là ở Thập giải. Kế là, được bốn ý túc như định v.v.v..., ở Thập hạnh, Thập hồi hướng. Năm căn ở Noãn, Đảnh. Năm lực ở Nhẫn và thế đệ nhất. Bảy giác ở kiến đạo của Sơ địa. Tám chánh ở Nhị địa trở đi trong địa vị tu đạo.”

Có chỗ giải thích: “Bốn niệm trụ của vị thiện ở giải thoát phần. Bốn chánh đoạn ở pháp Noãn, bốn như ý túc ở Đảnh. Năm Căn ở Nhẫn, năm lực ở pháp Đệ nhất. Bảy chi giác ở kiến đạo của Sơ địa. Tám chánh đạo ở địa vị Tu đạo của Nhị địa trở lên.

Nay, y cứ ở luận Duy Thức v.v..., bảy chi giác ở nhập tâm của Sơ địa. Kế là nói về mười bốn thứ phược bị đối trị. Luận sư Cảnh nói: “Nói thô nặng ràng buộc nhau, có hai chỗ nói:

1. Văn trong Du-già nói Mạt-na là tướng Phược (tướng ràng buộc). Do chấp lấy tướng ngã không giải thoát. Phiền não của sáu thức, gọi là ràng buộc thô nặng. Tâm thô của sáu thức khởi phiền não buộc ràng, chướng ngại giải thoát.

2. Luận Hiển Dương chép: “Tướng phần bị chấp, gọi là tướng ràng buộc, vì không nhằm bỏ tướng kia, nên kiến phần, chủ thể chấp, gọi là ràng buộc thô nặng, do lỗi năng chấp lấy ràng buộc thô nặng. Và ràng buộc thô nặng tức là thể của tập khí thừa của phiền não, tùy miên. Như A-la-hán dứt trừ hết hạt giống “hoặc”, vẫn còn có tánh điều hòa, như thuận của tập khí (thói quen), khiến cho thân ngữ ý có lỗi đối với duyên, gọi là ràng buộc thô nặng.

Với những nghĩa như thế, luận đều có văn nói.

Nói ràng buộc căn, nghĩa là do sáu căn, sinh ra phiền não buộc ràng, nên gọi là ràng buộc căn. Cũng có thể chấp mắc các căn, không thể nhằm xả, gọi là ràng buộc căn. Như ở đây khi do căn bị trói buộc, thì có phiền não thô nặng, với tánh không điều nhu khắp ở thân, tâm, không được yên ổn, gọi là ràng buộc thô nặng.

Hai cảnh ràng buộc: Đối với cảnh trái thuận, sinh tham giận người kia, điều này có hai nghĩa.

1. Vì bị cảnh ràng buộc, tâm không thể lìa bỏ.

2. Bị tham, giận buộc ràng cảnh ở trước, đều gọi là ràng buộc cảnh.

3. Hữu tình lần lượt trải qua sự ràng buộc ái luyến nhau. Văn là kinh nói nam vì nữ sắc, nữ vì nam sắc, lại luyến ái ràng buộc nhau.

4. Kiến lập ràng buộc cho đến, nên gọi là kiến lập, nghĩa là năm căn như mắt v.v... khi từ nghiệp sinh, tất nhiên nhận lấy năm trần. Do

năm căn khởi thế lực tăng thượng, dẫn khởi năm trần, qua đó chấp lấy, gọi là ràng buộc kiến lập.

5. Ràng buộc vô trí đối với cảnh sở tri, nghĩa là không hiểu rõ sở tri, thì gọi là ràng buộc.

7. Ái ràng buộc thân (hữu) sau, nghĩa là bị tham ái của hữu sau buộc ràng.

8. Không có ái ràng buộc: Vì chấp dứt trừ bị ràng buộc bởi ái.

9. Chấp mắc nhân bất bình đẳng và ràng buộc của không có nhân, như chấp tự tại làm nhân, hoặc chấp ngã v.v... làm nhân. Vì trái với lý chánh nhân, nên gọi là bất bình đẳng, hoặc chấp các pháp tự nhiên mà có, không có nhân duyên, do dựa vào tà giáo, chấp mắc nhân bất bình đẳng và chấp không có nhân đã buộc ràng, không ngộ chánh nhân.

10. Ràng buộc chứng đắc tăng thượng mạn, nghĩa là ràng buộc tăng thượng mạn chưa chứng, cho là đã chứng.

11. Chấp mắc ràng buộc của tự tánh biến kế sở chấp.

12. Chấp mắc ràng buộc của tự tánh ràng buộc, tức chấp tâm là ràng buộc.

13. Bỏ-đặc-già-la biết khắp ràng buộc tăng thượng, nghĩa là thật sự chưa biết khắp các số chấp lấy hưởng về mà cho rằng mình đã biết khắp là ràng buộc tăng thượng mạn.

14. Biết khắp pháp ràng buộc tăng thượng mạn, nghĩa là thật sự chưa biết khắp các pháp, mà cho rằng biết khắp là ràng buộc tăng thượng mạn.

Có Luận sư nói rằng: “Trong mười bốn thứ ràng buộc bốn thứ trước y cứ vào tướng để nói về ràng buộc, mười thứ sau dựa vào thô nặng, để nói về phược.”

Dưới đây, là nói dựa vào “không” để tu quán ràng buộc trong tướng giải thoát trong đó có hai:

1. Nói về sự buộc ràng của tướng giải thoát.

2. Nói về sự ràng buộc của tướng sau của mười một giải thoát.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói: “Chỉ quán thân, thọ, tâm, pháp của thân mình, chấp lấy tướng nội, gọi là ràng buộc tướng đầu tiên, chỉ quán thân, thọ, tâm, pháp của thân người, chấp lấy tướng ngoại, là ràng buộc thứ hai. Quán chung thân, thọ, tâm, pháp của mình, người, khởi tướng trong, ngoài là ràng buộc thứ ba, thấy có chúng sinh đáng hóa độ, nguyện họ được giải thoát, là ràng buộc thứ tư, do nguyện cho người được giải thoát, nên chấp thân v.v... tu quán trụ, là tướng ràng buộc thứ năm, thấy có người tu quán trụ, là ràng buộc tướng thứ sáu.”

Pháp sư Bị nói: “Trong đây nói về lia chướng ngại phẩm đạo đã được thắng lợi. Lại y cứ vào tướng, thường thuận theo cảnh, nói là sáu. Dưới đây nói về ràng buộc tướng sau sau của mười một giải thoát, tức là quán tuần hoàn trong đây, nên lại có mười một ràng buộc của tướng sau sau. Từ bắt đầu được niệm trụ, lúc chuyển tu của chuyển sau đã khởi tướng ràng buộc, nên nói là sau sau. Nghĩa là đối với Đẳng Chí của thân, gọi là ràng buộc ban đầu:

Khởi tướng đệ nhất nghĩa trong pháp nhiệm, tịnh của bốn đế kia, gọi là ràng buộc đầu tiên, tức khởi tướng tạo tác trong nghĩa đệ nhất của tập nhiệm khổ, tập.

Thứ hai tức khởi tướng không có tạo tác trong nghĩa đệ nhất của Diệt Đạo thanh tịnh.

Thứ ba, đối với Diệt đế khởi tướng là thường.

Thứ tư, đối với tạo tác của khổ tập, khởi tướng lưu chuyển.

Thứ năm, khởi tướng không có đối khác trong đạo đế diệt đế.

Thứ sáu, khởi tướng đối với lưu chuyển.

Thứ bảy, do tự tướng của sinh, diệt, trụ, di trong khổ, khởi tướng đối khác.

Thứ tám, trong đệ nhất nghĩa của diệt đế ở trước không có thay đổi, Khổ, Tập có đối thay, khởi tướng có thể gồm thu tất cả pháp của nhiệm ô thanh tịnh.

Thứ chín, tức trong nhiệm tịnh ở trước, khởi tướng không có nhiễm tịnh của vô ngã.

Thứ mười, Tiểu thừa y cứ vào pháp phi đế của nhiệm tịnh để nói về vô ngã. Pháp vô ngã không lia nhiễm tịnh, do Đại thừa nói về hai thứ vô ngã là sáu pháp kia, nên chẳng phải nhiễm tịnh. Cho nên Bồ-tát Địa nói: “Hữu vi, vô vi gọi là hữu, vô ngã, ngã sở, gọi là phi hữu. Nếu khởi tướng này, thì chính là tướng hợp pháp.

Thế nào gọi là ràng buộc?

Giải thích: “Dù thuận với kinh, giáo, khởi tướng như thế, nhưng vì tâm kèm theo chấp lấy, nên gọi là ràng buộc. Tức đối với các pháp nhiệm, tịnh, khởi nghĩ không có tướng của tự tánh, là thứ mười một, chỉ biết các pháp không có tánh quyết định. Cũng do tính kèm theo chấp lấy, gọi là ràng buộc. “Do các Bồ-tát cho đến “đều được giải thoát”, chính là nói dựa vào “không” để tu tập giải thoát, ràng buộc.

Dưới đây là thứ mười một, phẩm quyết định lựa chọn công đức. Nếu theo Luận sư Cảnh giải thích thì dưới đây là cho đến Tám thù thắng, cũng là quyết định lựa chọn, là phẩm Bồ-đề phần pháp. Văn kinh Thâm

Mật kia hoàn toàn là phẩm quyết định lựa chọn công đức. Dù có phán quyết này, nay lại dựa vào sự phán quyết kia. Pháp sư Huyền Trang thân thừa ba tạng, có lời truyền phán này, trong đó chia làm hai:

1. Thuận theo nghĩa, vấn nạn, đả phá.
2. Dẫn kinh Thâm Mật, để nói về bảy nghĩa.

Trong phần trước có bốn:

1. Phá ác thủ không của Đại thừa mới học.
2. Thành lập giáo Đại thừa khởi nhân duyên.
3. Nói về tự tướng, công tướng, quán chủ thể, chứng pháp Phật.
4. Nói do tám thù thắng chuyển các Địa.

Trong phần đầu: 1. Nêu chấp tà; 2. Chính là gạn, phá. Luận sư Cảnh nói: “Trong Đại thừa, cho đến tất cả đều không”, nghĩa là người Sơ học kia nói thế này: “Y tha, Viên thành dựa vào môn thế tục, tất cả đều có. Theo Thắng nghĩa đế, tất cả đều không, vì y tha là vô sinh, Viên thành là vô tánh.”

Kế dưới đây, Luận chủ gạn lại, quyết định nên bảo người kia: “Cho đến mà khởi thuyết”. Người ngoài đáp: “Y tha, Viên thành đều không có tự tánh, là thắng nghĩa đế. Đối với pháp không có tánh, giả gọi là kiến lập, vì khởi ngôn thuyết, lại chỉ bảo nhau, gọi là Thế tục.”

Dưới đây, Luận chủ gạn: Danh ngôn thế tục vì từ nhân có tự tánh có thể được, vì chỉ danh ngôn thế tục nói có. Lại y cứ vào các pháp như sắc, tâm v.v... của y tha, thế tục nói có, vì từ nhân sinh, tự tánh có thể được. Vì vô nhân sinh, chỉ trong danh ngôn, thế tục nói là có, là đáp lại hai câu hỏi này.”

Dưới đây là chính là phá:

Nếu danh ngôn thế tục từ nhân có, thì rất không hợp lý, vì chủ yếu là pháp có, mới từ nhân sinh. Nếu lập thế tục từ nhân mà sinh, thì là pháp có, mà nói chẳng phải có là không hợp lý. Nếu nói là Phật nói: “Pháp do nhân duyên sinh, ta noi tức là không”, dù từ nhân sinh nhưng đâu phước không tức là nêu hỏi ngược lại là từ thân sinh “không” hay từ nhân sinh “có”. Sinh không lông rùa, sừng hổ lẽ ra từ nhân sinh, vì đều không có. Nếu sinh có, tức là có pháp, sao gọi là không? Phải biết rằng, pháp duyên sinh của ý kinh, tức là y tha, tên pháp y tha không có, quyết định không có tánh tự nhiên sinh. Cho nên nói: “Ta nói tức là “không”.

Nếu chỉ danh ngôn thế tục có, thì danh ngôn thế tục vô sự mà có, là không hợp lý.

Nếu nói thế tục không từ nhân sinh, thì sẽ không có nhân quả.

Pháp không có nhân quả là “không”, thử hỏi y cứ vào cái gì để lập ra danh ngôn thế tục? Cho nên nói: “Sự danh ngôn thế tục vô sự mà có, là không hợp với đạo lý. Lại nên bảo rằng: “Này Trưởng lão! Vì sao các pháp có thể được, pháp này không có tự tánh?” Đây là hỏi vặn lại rằng, pháp hiện có thể được, vì sao không có tánh?” Nếu người kia đáp: “Vì sự điên đảo”. Người ngoài đáp: “Dù hiện có thể được, nhưng vì điên đảo, nên đều vô tự tánh”. Lại nên bảo: “Sự điên đảo này là “có” hay “không”? là Lặp lại hai câu hỏi đáp: “Nếu nói “có”, nghĩa là nói tất cả pháp do thắng nghĩa đều không có tự tánh, thì không hợp lý, nếu ông chấp nhận có sự điên đảo kia, tức có tánh của pháp nhân, quả Khổ, Tập, mà nói là do thắng nghĩa nên đều không có tự tánh là không hợp lý. Nếu nói “không”, nghĩa là vì sự điên đảo, nên các pháp có thể được, pháp này không có tự tánh, thì không hợp lý. Nếu sự điên đảo rốt ráo không có thì lẽ ra không thể được, giống như sừng thỏ. Hiện nay có thể được mà nói là không, thì không hợp lý.

Pháp sư Thái nói: “Đây là chấp của Thanh Biện v.v..., đã bị Bồ-tát Từ Thị phá bỏ. Nhắc lại, giải thích nghĩa văn, như quyển ba mươi bảy ở trước đã ghi nhận.”

Pháp sư Bị nói: “Luận sư Thanh Biện chấp như vậy: “Tánh y tha khởi do thế tục nên “có”, vì thắng nghĩa nên “không”, tức là trái với giải thích của Trung đạo. Bồ-tát Di-lặc nói y tha, viên thành “có”. “không”, tức nghĩa”.

Lại giải thích: “Tông của Trung luận, Bách Luận gọi là “ác thủ không”. Cách giải thích trước là hơn. Do Bồ-tát Hộ Pháp giải thích Bách Luận đã nói về nghĩa Trung đạo. Tông của Bồ-tát Hộ Pháp y cứ ở Du-già, luận ấy nếu trái với Du-già thì đâu dùng để giải thích?”

Kế là, thành lập giáo Đại thừa, khởi nhân duyên. Luận sư Cảnh nói: “Do các bộ Tiểu thừa của các nước phương Tây kia đều không tin có giáo lý Đại thừa. Thấy người học Đại thừa, gọi là hoa đốm trong hư không: ông lập chân như xưa nay là có, bất sinh, bất diệt, so với ngoại đạo kia lập ngã vốn có, bất sinh, bất diệt, có khác gì đâu? Lại, ông đã dựa vào môn giáo của Đại thừa, Đức Phật đã nói ở nơi nào? Vì người nào thỉnh? Ai thỉnh Phật nói? Có nói lược rộng gì? Cho nên môn giáo của Đại thừa mà ông đã lập, không đáng tin theo, thà rằng tôi dựa theo ngoại đạo bôi tro kia.”

Do việc như thế, nên khởi sự lập giáo của Đại thừa:

Do năm tướng, nên tư duy lựa chọn kinh Đại thừa khởi thuyết nhân duyên, nghĩa là vì đối với người nói, sinh cung kính, nên khởi thuyết

thứ nhất: Trong các kinh nói là đức Thế tôn nói trụ ở đó, khu rừng đó để nói pháp vì nhiếp hóa chúng sinh, nên khởi thuyết thứ hai, tức trong các kinh dẫn chứng đồng nghe cùng với một ngàn hai trăm năm mươi chúng Đại Bí-sô, đều cùng với ba muôn hai ngàn vị Bồ-tát đồng nói là vì chánh pháp sinh tôn trọng, nên khởi thuyết thứ ba, tức trong kinh nói Giải thoát Nguyệt v.v... thỉnh người nói kinh. Không thỉnh mà nói, đồ chúng nghe pháp sẽ bất nghĩ là khó gặp. Vì sinh tôn trọng, đợi thỉnh mới nói, vì nêu lên sự việc, nên khởi thuyết thứ tư, tức trong các kinh, Phật vì chúng đương thời mà lược, nêu chương. Vì muốn nói rộng nghĩa chân thật và vì đa số công việc đã làm, nên khởi thuyết thứ năm, chính là lời nói rộng trong các kinh một cách thông suốt rằng:

1. Ta nghe như thế v.v...
2. Nêu chúng.
3. Như vì Phạm Vương thỉnh, nên nói bài tựa phát khởi.
4. Lược nói việc đã nói trong phần chánh tông.
5. Thỉnh vì muốn duyên nói lý do chân thật, nghĩa là phân biệt rộng về nghĩa. Và vì nhiều việc đã làm, là chúng đúng thời được lợi ích, y giáo, vâng làm.

Thứ ba, là nói về hai quán tự và cộng của mười hai xứ có mười đạo không có điên đảo, có thể chứng tất cả thật pháp bất cộng: sáu là quán tự tướng, bốn là quán cộng tướng:

1. Biết rõ tùy miên v.v..., gọi là sự lờ mờ của biến kế, chỉ có trên danh ngôn, tức hạt giống tự tánh của mắt v.v... không thể nói năng.
2. Biết rõ về Biến kế sở chấp của mười hai xứ, nhiếp thọ giả đối, tức làm rõ sự tướng của xứ ngoài.
3. Biết rõ y tha từ nhân chuyển sinh.
4. Biết rõ y tha tự nhiên mà diệt, gọi là làm hư hoại tướng chuyển.
5. Biết rõ tướng chuyển thanh tịnh, cho đến phải biết tướng này dựa vào hai nghiệp:
 - a. Sinh khởi thanh tịnh là đạo.
 - b. Vắng lặng thanh tịnh là diệt.
6. Biết rõ hữu vi có thể làm chỗ yên ở đây đủ của danh ngôn. Trên đây là tự tướng, dưới đây là cộng tướng.
7. Biết rõ vô thường, “không” và vô ngã.
8. Biết rõ đã chứng vô phân biệt, khởi lý đã hiện hành.
9. Biết rõ đối tượng chứng chỉ là pháp đã hiện hành của trí xuất thế gian.

10. Biết rõ Thánh đạo là nhân của Niết-bàn. Thứ tư, là nói do tám thù thắng đối với các trụ địa sau sau, chuyển biến vượt hơn. Đây là chung cho đức của các địa.

Dưới đây là thứ hai, dẫn kinh Thâm Mật để nói về bảy nghĩa, tức là bảy đoạn:

1. Bồ tát thưa hỏi như lý v.v..., là hỏi về nghĩa vượt hơn.
2. Bồ-tát Quảng Tuệ hỏi về nghĩa tâm, ý, thức.
3. Bồ-tát Đức Bản hỏi về nghĩa ba tánh.
4. Thắng nghĩa sinh, Bồ-tát thưa hỏi về nghĩa của ba vô tánh.
5. Bồ-tát Từ thị thưa hỏi về nghĩa của Xa-ma-tha, Tỳ-Bát-Xá-

Na.

6. Bồ-tát Quán Tự Tại hỏi về nghĩa các địa.
7. Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi thưa hỏi về nghĩa ba thân.

Y cứ trong thân thắng nghĩa Đế của câu hỏi đầu tiên, trước, là chia ra năm môn, sau, là dựa vào môn để giải thích, có bốn đoạn: Đầu tiên, là giải thích hai môn ly ngôn của “hai không”, trong đó trước là nhắc lại chung chỉ cho kinh. Sau, là dẫn riêng văn kinh kia.

Trong phần trước, nói về kinh Giải Thâm Mật, kinh này có bốn nhà phiên dịch:

1. Lưu Chi dịch là kinh Thâm Mật Giải Thoát.
2. Cầu Na Bạt Đà La dịch là kinh Tương Tục Giải thoát.
3. Chân Đế dịch là kinh Giải Tiết.
4. Pháp sư Huyền Trang dịch là kinh Giải Thâm Mật.

Một âm của Bản Phạm, Câu-xá ba nghĩa:

1. Nghĩa nối tiếp nhau của hai vật.
2. Nghĩa nối tiếp nhau của đốt xương.
3. Nghĩa Thâm Mật.

Ba Tạng trong các đời, đều theo một nghĩa, nên tên dịch khác nhau, y cứ trong dẫn riêng văn kinh, trước văn xuôi nói rộng, sau, dùng bài tụng để nêu, y trong văn xuôi có ba lượt hỏi đáp.

Nói Tối Thắng Tử trong hỏi đáp ban đầu, Đức Phật là đấng Tối Thắng, nói Bồ-tát kia là con của đấng Tối Thắng, gọi là Tối Thắng Tử. Xưa nói là Phật tử.

Đáp: ý Phật vì chúng sinh giả nói hữu vi, vô vi mà không tùy theo danh. Vì thế của pháp chân thật của hữu vi, vô vi, nên nói không có hai. Đáp rằng: “Tất cả pháp có hai: 1. Hữu vi; 2. Vô vi, nghĩa là chia ra hai môn. Là chính giữa hữu vi; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, đây là đáp câu hỏi đầu tiên.

Hỏi, đáp thứ hai: Hữu vi, chính là câu mà đức Bản sư giả đặt ra, nghĩa là các pháp vốn lia danh, ngôn, Đức Phật vì chúng sinh giả nói hữu vi, gọi là giả đặt ra.

Lại, giải thích: “Vào kiếp sơ, Phạm Vương v.v... đã đặt ra tên các pháp, gọi là Bản Sư.”

Hỏi: “Nếu về sau nói, thì vì sao kinh Giải thâm Mật nói là danh tự Như lai?”

Giải thích: “Ngoại đạo gọi thầy mình, là Như lai nên không có lỗi. Kinh Giải Thoát nói là Đại sư. Nếu nói là Bản Sư, thì câu giả đặt ra tức là Biến kế đã nhóm hợp ngôn từ mà nói v.v..., nghĩa là chỉ vì chúng sinh thuận theo danh, mà khởi chấp. Đối với câu mà Đức Phật giả đặt ra, chấp có pháp nhất định, nên nói là Biến kế nhóm hợp, cho đến không thành thật, nên chẳng phải hữu vi. Nói vô vi, cũng rơi vào ngôn từ giả đặt ra câu, rơi vào danh khởi chấp, thì chẳng phải vô vi.

Nếu lia hữu vi, vô vi, có một ít đã nói về tướng mạo của hữu vi cũng thế, nghĩa là giả thiết như Độc Tử bộ lập ra pháp Tạng thứ năm, gọi là “không thể nói”. “Không thể nói” là hữu vi, vô vi, cũng là giả lập ngôn thuyết đặt ra.

Trên đây, cứ theo biến kế sở chấp để đáp câu hỏi ở trước, nhưng chẳng phải vô sự mà có thuyết nói v.v..., nghĩa là do đã có pháp nhân duyên y tha như huyễn v.v... “duyên” vào pháp ấy để khởi nói.

“Nói vô vi, cũng là câu mà đức Bản sư đã giả đặt ra, cho đến tướng của vô vi ấy cũng vậy”, nghĩa là cũng phá Độc Tử bộ nói “không thể nói Pháp tạng cũng chỉ có danh ngôn. Nhưng chẳng phải không có việc, mà có thuyết đã nói v.v..., nghĩa là do chứng pháp tánh lia lời nói, vì người khác giả nói, cho là vô vi.

Hỏi, đáp thứ ba, làm sao đối với việc này, các bậc Thánh kia chứng pháp ly sinh vì người khác giả nói. Hoặc nói là hữu vi, hoặc cho là vô vi.

Trong phần đáp, trước dụ, sau hợp. Trong thí dụ trước, là nêu người ngu chấp việc huyễn là thật, vì chưa tỏ ngộ, nên trước, sau lại tư duy. Kế là, nói biết rõ việc huyễn chẳng phải thật. Về sau không còn tư duy nữa.

Trong hợp cũng có hai:

1. Hợp với phàm ngu.
2. Hợp với Thánh trí.

Trong bài tụng, người kia hoặc bất định, hoặc tà định, tức là nhóm bất định và nhóm tà định, do con người khởi giả đối chấp trước.

Thứ hai, trong giải thích vượt ngoài tướng sở hành của Tâm, Từ: trước, là nhắc lại nêu chung chỉ cho kinh. Sau, dẫn riêng văn kinh đó.

Đầu tiên, Bồ-tát Pháp Dũng thưa hỏi. Kế là, đức Như lai đáp.

Trong câu hỏi của Bồ-tát nói số cát sông Căng-già, tức xưa nói là số cát sông Hằng.

Các thứ ý giải, nghĩa là sâu, cạn, thô, tế, chẳng phải một.

Ý giải riêng, khác, nghĩa là hai người tranh luận chung, không được như nước với sữa.

Ý giải đối khác, nghĩa là lấy, bỏ, hướng trái, trước, sau đối khác.

Trong Như lai phần đáp, trước, là văn xuôi, sau là tụng. Trong văn xuôi thì pháp và dụ hợp.

Trong pháp, trước nêu, sau giải thích.

Trong giải thích có năm lần “lại nữa”. Trong dụ, có năm lượt như thứ lớp dụ năm pháp ở trước, hoặc thí dụ chung. Hợp, chỉ có hợp chung.

Nói “không thể tâm, từ v.v... :

Một giải thích khác: “Vì hiện lượng không thể tư duy, tỷ lượng không thể đo lường. Thánh ngôn lượng không thể khiến cho tin.”

Lại giải thích: “Vì các thứ ý giải, nên nói “chẳng thể Tâm, Từ. Vì ý giải khác nhau, nên nói không thể so sánh. Vì ý hiểu biết nên nói không thể tin, hiểu.

Trong bài tụng, đầu tiên có ba câu, tụng riêng năm pháp. Một câu sau, kết luận về danh nghĩa.

Thứ ba, trong giải thích vượt qua tánh, tướng một, khác của các pháp, đầu tiên là nhắc lại ý chỉ kinh nói. Kế chính là dẫn văn. Trước, Bồ-tát Thiện Thanh tịnh Tuệ hỏi.

Thứ hai, là Phật đáp.

Trong phần trước, nói có chúng Bồ-tát v.v... là hạnh thắng giải.

Đồng một hội tòa v.v..., nghĩa là Bồ-tát Địa tiền chưa chánh chứng chân như, chỉ tác ý, nói phân biệt hạnh quán, nên nói Bồ-tát Thắng hạnh địa.

Dưới đây, trong phần pháp, dụ hợp trong văn xuôi. Trong pháp, trước là nói thành thuyết chung. Sau, giải thích riêng về nghĩa của thuyết đó. Trong đó có ba lần “lại nữa”.

1/ “Nói chẳng phải đối với các hành, lúc thực hành như thế, gọi là năng thông đạt, v.v.... Nghĩa là chẳng phải quán các hành với thắng nghĩa quyết định kia, khi quán hạnh khác của nhất định, thì gọi là năng thông suốt. Vì sao? Vì nếu Thắng nghĩa để với các hành là một thì tất cả

phàm phu hiện nay đang nhìn thấy các hành, lẽ ra đã chứng thắng nghĩa, đều đã kiến đế, đều đã được phương tiện vô thượng, Niết-bàn yên ổn, cho đến Bồ-đề. Nếu Thắng nghĩa đế khác với hạnh, thì người đã thấy chân như, kiến đế, sẽ tương ứng với các hành, không trừ bỏ, vì các hành kia hoàn toàn khác với thắng giải ngộ. Vì sao? Vì nếu tức hạnh, nói về thắng nghĩa đế, thì do chứng thắng nghĩa tức dứt bỏ các hành. Nay, thể đã khác, thì cho dù thấy thắng nghĩa, vẫn không dứt bỏ các hành. Vì các hành không loại bỏ, nên không thoát khỏi sự ràng buộc nhau, cho đến không được Bồ-đề, đây là vấn nạn ngược lại.

“Do thời nay trở xuống” là giải thích thuận.

“Lần lại nữa” thứ hai, nếu thắng nghĩa và hạnh là một, thì lẽ ra đồng với tạp nhiễm. Nếu khác với hạnh, thì lẽ ra chẳng phải là cộng tướng của các hành.

“Lần lại nữa” thứ ba, nếu hạnh và thắng nghĩa là một, thì lẽ ra đồng với thắng nghĩa, không có khác nhau.

Nếu vậy, đã thấy các hành, tức là rốt ráo, chẳng lẽ thời gian sau, lại mong cầu thắng nghĩa, vì thắng nghĩa không khác với hạnh là. Nếu hoàn toàn khác hẳn, thì không nên y cứ ở hạnh để nói tánh vô ngã là Thắng nghĩa. Lại lẽ ra đều cùng lúc, tướng riêng được thành lập, nghĩa là tướng tạp nhiễm và tướng thanh tịnh, vì thắng nghĩa với hạnh siêu nhiên có khác, là tức khi thấy thắng nghĩa, lẽ ra không xả bỏ nhiễm? Lúc thấy hạnh nhiễm, lẽ ra không che lấp tịnh? Giải thích thuận, rất dễ hiểu.”

Kế là, trong phần nói về dụ, nêu mười bốn thí dụ để chỉ bảo như văn.

Dưới đây trong hợp dụ, trước hợp, sau kết, quy về Tông gốc.

Nói, vi tế, cự vi tế, đây có hai giải thích:

1. “Vi phàm phu không thể nhìn thấy, nên nói là vi tế. Người Nhị thừa vì không thể cùng tận đáy, nên nói rất sâu, cùng cực rất sâu, cùng cực rất sâu.

Hiểu rõ địa, vì đều có thể thông suốt, rất khó thông suốt.”

2. Tuệ, Văn, Tư, Tu của thế gian, như thứ lớp phối hợp, giải thích.”

Trong bài tụng nói về hành giới, nghĩa là loại tánh của các hành hữu vi vì khác nhau, nên gọi là giới hành. Văn khác rất dễ hiểu.

Thứ tư, giải thích về tướng một vị của khắp tất cả thứ năm, trong đó, đầu tiên, là nhắc lại chỉ ra thuyết của kinh. Kế là, chính thức dẫn văn kinh kia. Trước, là văn xuôi, sau là tụng.

Văn trong văn xuôi được chia làm ba:

1. Phật hỏi Bồ-tát Thiện Hiện: “biết có bao nhiêu hữu tình có ngạo mạn?”

2. Bồ-tát Thiện Hiện nêu lên sự kính mến, hỏi han mà hữu tình kia đã nhìn thấy, có bốn:

1) Nói về chung Trung, Tiểu, Đại vô lượng.

2) Nói chung Tiểu, Đại vô lượng.

3) Giới hạn ở đâu gọi là chứng đắc?

4) Nói về thông suốt và chứng đắc.

Trong phần đầu, Luận sư Cảnh, Bị đồng nói: “Kinh nói pháp chỉ, quán riêng. Lại nói “duyên” chỉ, “quán” của pháp chung, nghĩa là duyên riêng về mười hai bộ kinh, mỗi bộ đều thuận theo chân như v.v..., tu chỉ quán gọi là duyên theo pháp riêng, nếu gồm mười hai bộ kinh tư duy pháp này thuận theo chân như, v.v... gọi là duyên pháp chung.”

Nay, giải thích: “Trong mỗi bộ, chỉ “duyên” phần tiểu, nói “duyên” pháp riêng. Nếu “duyên” toàn bộ, cho đến “duyên” đủ mười hai bộ kinh, gọi là “duyên” pháp chung nói thuận theo thú hướng tu nhập, như thứ lớp phối hợp văn, tư, tu tuệ, nếu ý cứ vị mà nói thì thuận theo là hồi hướng trở xuống, thú hướng là Noãn, Đảnh, nhãn, tu nhập là pháp Thế đệ nhất, tu nhập là đầu tiên. Kế nói Tiểu, Đại vô lượng, nghĩa là duyên một bộ giáo pháp nhận chân như quán chung gọi là duyên tiểu pháp chung. Nếu duyên mười hai bộ kinh trong một giới hạn gọi là Duyên Đại pháp chung. vì mười hai bộ kinh có rất nhiều nghĩa, tức như kinh Pháp Hoa tự nói một thứ pháp của mười hai bộ, Trong kinh Niết bàn lại nói một thứ giới của mười hai bộ, kinh Hoa nghiêm lại nói một việc của mười hai bộ. Nên nói rằng, nếu “duyên” vô lượng giáo pháp của Như lai v.v..., thuận theo quán chân như, gọi là “duyên” vô lượng chỉ, quán của pháp chung.

Thứ ba, nói ngang đâu được gọi là “duyên” chỉ, quán của pháp chung? Ý hỏi: Ngang đâu, được gọi là “duyên” chỉ quán, pháp chung của chân như kia?

Dưới đây là đáp: “Do năm duyên, nên phải biết gọi là chứng đắc, tức nêu năm tu trong Thập địa đã chứng được năm quả, dùng làm năm duyên. Do đủ “duyên” này, nên gọi là được “duyên” pháp chân như chung.

Bồ-tát Vô Trước lấy văn chỗ này để nói trong Nhiếp Luận: “Những gì là năm tu? Thế nào là năm quả?”

1/ Chung Tập; 2/ Tu vô tướng; 3/ Tu không có công dụng; 4/ Tu tu rất thịnh vượng; 5/ Tu không có hỷ tức.

Với năm tụ như thế, nói về thể không khác. Tùy ý trong một niệm, nói có năm, nghĩa là nhóm hợp tất cả cái chung thành một nhóm, chọn cốt yếu tụ tập chỉ quán chân như, tức tu chung tập, vì phân biệt của vòng xích xương, quán chung đức Thế tôn. ba Phật hiện Tông gốc, đầu iên nói rằng Thiện Hiện, xưa nói Thiện Cát, tức Tu-Bồ-đề. kế là, trong kính ngưỡng thăm hỏi Đức Thế tôn của Thiện Hiện, Pháp sư Cảnh nói “Nói vì chứng được uẩn là đặc uẩn quán hành. Câu này là chung. Được tướng uẩn, quán chủ thể được nhân uẩn, tức là quán tập. Hai câu kế là, quán uẩn khởi tận (diệt), tức là sinh, diệt, tức quán hành khổ được uẩn diệt, là quán thường diệt.

Được uẩn diệt tác chứng: Quán đạo năng trị của uẩn. Vì chứng được đế, nghĩa là được hạnh quán đế, câu này là chung. Kế là có hai câu quán khổ. Được đế, dứt trừ hẳn là Tập, tác chứng là Diệt. Được đế, tu tập là Đạo.

Vì được cõi, nghĩa là được hạnh quán của cõi. Câu này là chung. Được tướng mạo của cõi, nghĩa là quán chủ thể được nhân của cõi, tức là quán tập. Hai câu kế là, tức quán cõi lá khổ. Các thứ tánh, nghĩa là cõi có mười tám v.v.... Chẳng phải một tánh, nghĩa là trong mỗi cõi có nhiều khác nhau. Hai câu dưới, tức quán diệt, đạo. Do được niệm, trụ, nghĩa là được chung niệm trụ, được tướng niệm trụ, nghĩa là quán nhân của niệm trụ.

“Năng trị”, “sở trị”: Niệm trụ là “năng trị” (chủ thể trị), bốn điên đảo, gọi là “sở trị” (đối tượng trị). Luận sư Cảnh nói: “Vì chứng đặc uẩn, nghĩa là hiện có uẩn, phân biệt với giới, xứ v.v... Vì được tướng uẩn, là nghĩa chứa, nhóm, nghĩa phần đoạn v.v... là nghĩa uẩn.

Được uẩn khởi: Khổ đế từ nhân khởi, được uẩn tận: Pháp quả của Tập đế lúc sinh, nhân liền tận. Do chứng đặc đế, nghĩa là phân biệt thiện xảo còn lại. Được tướng đế, nghĩa là bốn đế, mười sáu hành tướng v.v...

Bốn câu dưới đây, như thứ lớp là bốn đế, do được giới, phân biệt với uẩn v.v... Được tướng của giới: nghĩa dòn họ, nghĩa tánh riêng là nghĩa cõi v.v...

Được tu niệm trụ, nghĩa là lúc thừa đầu tiên, chưa sinh thì được sinh: đã tập hạnh. Sinh xong trụ vững chắc v.v..., nghĩa là tác ý siêu việt, vẫn còn rất dễ hiểu.

Dưới đây, trong Phật hiện Tông gốc là pháp, dụ, hợp.

Trong pháp trước nêu, sau giải thích. Trong giải thích có ba lần “lại nữa”.

1. Trong lần “lại nữa” đầu, nói về Thắng nghĩa đế, tức là duyên sinh đế thực của uẩn, giới, xứ, tướng chân như một vị của nhà ba mươi bảy phẩm, không có tướng riêng khác.

2. Trong lần “lại nữa” thứ hai, thấu suốt chung một uẩn chân như thắng nghĩa vô ngã tánh xong, chẳng còn tìm cầu uẩn riêng khác, cho đến Thắng nghĩa vô ngã tánh của tám chi Thánh đạo.

3. “Lần lại nữa” thứ ba, nói về uẩn, giới, xứ, cho đến lần lượt tướng khác của chi đạo. Chân thắng nghĩa của tất cả pháp cũng là tướng khác: tức thắng nghĩa cũng có nhân duyên từ nhân mà sinh v.v... rất dễ hiểu.

Dưới đây là dụ và hợp: Như hư không khắp các sắc loại, dụ cho chân như kia khắp các pháp loại văn tụng rất dễ hiểu.

